

Số: /QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ quỹ gen cấp quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2017/TT-BKHHCN;

Căn cứ các Quyết định số: 1878/QĐ-BKHHCN ngày 15/7/2021, 2024/QĐ-BKHHCN ngày 02/8/2021, 2084/QĐ-BKHHCN và 2085/QĐ-BKHHCN ngày 12/8/2021, 2175/QĐ-BKHHCN ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen cấp quốc gia thực hiện từ năm 2022;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng bảy (07) nhiệm vụ khoa học và công nghệ quỹ gen cấp quốc gia thuộc “Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” bắt đầu thực hiện từ năm 2023.

(Chi tiết 07 nhiệm vụ trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế – kỹ thuật phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn/xét chọn và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế – kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Công Tạc;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Công Tạc

**DANH MỤC ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC “CHƯƠNG TRÌNH
BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
I	DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM			
1	Sản xuất thử nghiệm giống Lúa tẻ Di Hương và giống Lúa nếp xoắn tại một số tỉnh ven biển đồng bằng sông Hồng.	Hoàn thiện được quy trình sản xuất lúa gạo an toàn theo hướng hữu cơ và phát triển sản xuất hai giống Lúa tẻ Di Hương và Lúa nếp xoắn tại một số tỉnh ven biển đồng bằng sông Hồng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ cơ sở dữ liệu đánh giá các chỉ tiêu dinh dưỡng của 2 giống Lúa tẻ Di hương và Lúa nếp xoắn; - 02 quy trình sản xuất (thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến...) lúa gạo an toàn theo hướng hữu cơ cho 02 giống lúa, được công nhận cấp cơ sở; - 5 ÷ 8 tấn giống nguyên chủng/giống, 20 ÷ 30 tấn giống lúa xác nhận/giống, đạt tiêu chuẩn chất lượng theo đạt chất lượng theo QCVN 01-54: 2011/BNNPTNT; - 06 mô hình sản xuất thương phẩm: qui mô 10 ÷ 15ha/ mô hình/giống, hiệu quả kinh tế tăng 10 ÷ 15% so với sản xuất lúa đại trà; - 01 ÷ 02 mô hình sản xuất gạo hàng hóa, quy mô 60 ÷ 80 tấn gạo/2 giống; - Nhân rộng 2 giống lúa trong sản xuất, đạt quy mô tối thiểu 300ha sau khi kết thúc dự án; - 200 lượt người được tập huấn, đào tạo về quy trình kỹ thuật nhân giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản và chế biến 2 giống lúa; - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. 	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
2	Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu từ nguồn gen Hồng hoa (<i>Carthamus tinctorius</i> L.).	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất giống và dược liệu từ nguồn gen Hồng hoa; - Xây dựng được mô hình sản xuất giống và dược liệu Hồng hoa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống và cây giống Hồng hoa hữu tính; - Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Hồng hoa theo hướng dẫn GACP-WHO; - Giống Hồng hoa kèm theo tiêu chuẩn cơ sở của hạt giống và cây giống được công bố theo quy định hiện hành; - Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Hồng hoa (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính); - Mô hình sản xuất cây giống Hồng hoa: diện tích 5.000 m² với công suất 500.000 cây giống/năm; - 10 ha mô hình sản xuất dược liệu Hồng hoa được tiếp nhận hồ sơ đánh giá GACP; - 1.000 kg dược liệu Hồng hoa đạt tiêu chuẩn cơ sở; - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. 	Tuyển chọn
3	Sản xuất thử nghiệm nguồn gen gà Curoang tại một số tỉnh Bắc Trung bộ.	Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi để nâng cao năng suất gà Curoang.	<ul style="list-style-type: none"> - Đàn hạt nhân: 300 mái sinh sản nuôi tập trung; năng suất trứng/mái/năm $\geq 95,0$ quả; tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống $\geq 90\%$; tỷ lệ trứng có phôi $\geq 94\%$; tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 87\%$; tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng $\leq 3,3$ kg; - Đàn sản xuất có quy mô 2000 mái sinh sản nuôi tại 2 mô hình ở 2 tỉnh (tối đa 5 cơ sở/mô hình; tối thiểu 100 mái/cơ sở), đạt các chỉ tiêu: tuổi đẻ 20 ÷ 21 tuần tuổi; năng suất trứng/mái/năm ≥ 90 quả; tỷ lệ trứng có phôi $\geq 93\%$; tỷ lệ nở/trứng có phôi $\geq 85\%$; tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng $\leq 3,5$ kg; - Đàn thương phẩm có quy mô 15.000 con nuôi tại 3 mô hình tại 02 tỉnh (tối đa 5 cơ sở/mô hình; tối thiểu 300 con/cơ sở), đạt các chỉ tiêu khi kết thúc 16 tuần tuổi: tỷ lệ nuôi sống $\geq 92\%$; khối lượng $\geq 1,2$kg/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 3,2$ kg; - Quy trình chăn nuôi gà sinh sản và thương phẩm đã hoàn thiện; - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. 	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
II	ĐỀ TÀI			
4	Đánh giá tiềm năng di truyền nguồn gen Sen Việt Nam phục vụ công tác chọn giống, sản xuất và phát triển bền vững	Tư liệu hóa được nguồn gen Sen Việt Nam và đề xuất được một số nguồn gen triển vọng, có năng suất và chất lượng cao phục vụ sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đoàn nguồn gen Sen Việt Nam có ít nhất là 250 mẫu nguồn gen Sen địa phương thu thập ở 3 miền: Bắc, Trung và Nam được bảo tồn, lưu giữ; - Bộ dữ liệu về các đặc điểm nông sinh học chính của tập đoàn nguồn gen Sen địa phương theo tiêu chuẩn của Hiệp hội Sen quốc tế (IWGS); - Bộ dữ liệu đa dạng di truyền được xác định bằng chỉ thị phân tử SSR (ISSR) đối với các nguồn gen Sen đã được thu thập; - Ít nhất 03 nguồn gen Sen địa phương có đặc điểm nông sinh học tốt, năng suất, chất lượng cao và kháng bệnh (thán thư/ thối thân) được xác định bằng mã vạch ADN (DNA barcode) giới thiệu cho sản xuất; - Các quy trình nhân giống (<i>in vitro</i> và <i>in vivo</i>), quy trình canh tác cho các giống Sen đã được tuyển chọn; - 03 mô hình trồng thử nghiệm các nguồn gen Sen đã được tuyển chọn, quy mô 01ha trồng bằng cây nhân giống <i>in vitro</i> cho mỗi nguồn gen); - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành; 01 bài báo quốc tế công bố trên Tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus. 	Tuyển chọn
5	Nghiên cứu khai thác, phát triển nguồn gen cây nhuộm màu thực phẩm (cây Hoa đậu biếc (<i>Clitoria</i>	Khai thác và phát triển bền vững nguồn gen cây Hoa đậu biếc (<i>Clitoria ternatea</i> L.) và cây Cơm nếp (<i>Pandanus</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu về nguồn gốc, phân bố, đặc điểm nông sinh học, đa dạng di truyền, giá trị và tiềm năng phát triển của nguồn gen cây Hoa đậu biếc và cây Cơm nếp; 02 bản mô tả tính trạng đặc trưng của 2 nguồn gen cây Hoa đậu biếc và cây Cơm nếp; - 02 nguồn gen Hoa đậu biếc và cây Cơm nếp tuyển chọn có năng suất và chất lượng nhuộm màu cao; - Vườn lưu giữ giống gốc của 02 nguồn gen Hoa đậu biếc và cây Cơm nếp tuyển chọn, diện tích 500 m²; 	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	<i>ternatea</i> L.), cây Com nếp (<i>Pandanus amaryllifolius</i> Roxb) tại vùng trung du miền núi phía Bắc	<i>amaryllifolius</i>) làm nguyên liệu nhuộm màu tự nhiên an toàn, phục vụ ngành công nghệ thực phẩm tại vùng trung du miền núi phía Bắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Các quy trình nhân giống; quy trình canh tác; quy trình thu hoạch, bảo quản và sơ chế cho 02 nguồn gen đạt năng suất và chất lượng cao được công nhận cấp cơ sở; - 20 ÷ 30kg hạt Hoa đậu biếc và 10.000 ÷ 15.000 cây giống cây Com nếp được nhân từ các nguồn gen đã tuyển chọn đạt tiêu chuẩn cơ sở; - Mô hình canh tác: 2 ÷ 4 ha/2 nguồn gen; năng suất tăng 15% so với sản xuất đại trà; - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. 	
6	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen cây Thông Xuân Nha 5 lá rử (<i>Pinus cernua</i> L.K.Phan ex Aver., K.S.Nguyen & T.H.Nguyen) tại các tỉnh Tây Bắc.	Bảo tồn và phát triển được nguồn gen cây Nha 5 lá rử tại một số tỉnh Tây Bắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm lâm học, sinh học, giá trị nguồn gen và đa dạng di truyền nguồn gen cây Thông Xuân Nha 5 lá rử; - 50 cây mẹ nguồn gen cây Thông Xuân Nha 5 lá rử có sinh trưởng và năng suất vượt tối thiểu từ 10% so với trung bình quần thể; - 02 ha vườn sưu tập kết hợp khảo nghiệm giống có ít nhất 30 gia đình tại 02 tỉnh vùng Tây Bắc; - 10.000 cây giống đủ tiêu chuẩn trồng rừng từ nguồn vật liệu cây trội đã được công nhận; - 08 ha mô hình rừng trồng tại 02 tỉnh, tỷ lệ sống $\geq 85\%$ có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, ít sâu bệnh; - 01 hướng dẫn kỹ thuật nhân giống cây Thông Xuân Nha 5 lá rử; - 01 hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn; - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. 	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
7	Khai thác và phát triển nguồn gen cây Mắc mật (<i>Clausena indica</i> Daizell (Oliv.) tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.	Khai thác và phát triển được nguồn gen Mắc mật góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế, xã hội tại một số tỉnh miền núi phía Bắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đặc điểm sinh học, giá trị nguồn gen và đa dạng di truyền nguồn gen cây Mắc mật; - 30 ÷ 40 cây mẹ có sinh trưởng và năng suất vượt tối thiểu từ 10-15% so với trung bình quần thể được lựa chọn; - 0,5 ha vườn lưu giữ giống nhân từ cây mẹ được lựa chọn. - 5.000 ÷ 10.000 cây giống nhân từ nguồn vật liệu được tuyển chọn đạt tiêu chuẩn xuất vườn; - 02 ÷ 03 ha mô hình trồng mới tại 02 tỉnh vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, tỷ lệ sống \geq 85%, sinh trưởng, phát triển tốt; - 03 ha mô hình thâm canh đạt hiệu quả kinh tế cao hơn 15% so với bình quân đại trà; - 01 Quy trình nhân giống cây Mắc mật bằng phương pháp ghép; - 01 Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch lá, quả nguồn gen cây Mắc mật; - 02 Quy trình chế biến sản phẩm (tinh dầu và bột gia vị) từ nguồn gen cây Mắc mật; - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. 	Tuyển chọn